

GIẢI PHÁP

THU HÚT LAO ĐỘNG CHẤT LƯỢNG CAO nhằm phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2021-2025

*ThS. Lê Văn Phát, ThS. Ngô Văn Thảo**

Tóm tắt:

Từ khi tái lập tỉnh đến nay Bắc Ninh là địa phương tỷ lệ dân số nhập cư cao nhất nước. Là một tỉnh với diện tích chỉ có 822,7Km² với dân số trung bình khi mới tái lập tỉnh (năm 1997) chỉ có 932.424 người, đến năm 2022 dân số trung bình ước đạt 1.468.678 người. Như vậy, sau 25 năm tái lập tỉnh dân số Bắc Ninh đã tăng 536.254 người, tốc độ tăng dân số bình quân hàng năm là 6,38%. Theo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2021, lực lượng lao động (LLLĐ) của tỉnh Bắc Ninh từ 15 tuổi trở lên đạt 766.173 người, chiếm 70,01% tổng dân số từ 15 tuổi trở lên. LLLĐ bao gồm 746.344 người có việc làm và 19.829 người thất nghiệp. Qui mô của LLLĐ năm 2021 so với 2020 tăng 3,5% (tương ứng tăng 25.566 người). Bắc Ninh là tỉnh có tỷ lệ di cư lớn nhất cả nước, với tỷ suất di cư thuần là 41,7‰ đã thay Bình Dương 30,8‰, tỉnh trước đây đứng thứ nhất, trở thành tỉnh đứng đầu cả nước về tỷ lệ di cư thuần. Bắc Ninh cũng là tỉnh có tỷ suất nhập cư cao nhất cả nước (45,7‰), xếp trên Bình Dương (35,6‰). Với lợi thế là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp, hơn nữa bằng nhiều giải pháp linh hoạt tỉnh Bắc Ninh là tỉnh có LLLĐ nhập cư cao nhất cả nước.

Nguồn nhân lực chất lượng cao là nguồn nhân lực có trí tuệ, tay nghề, năng lực tốt, được đào tạo cơ bản, chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của thực tiễn đất nước, của thị trường lao động hiện nay. Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là yếu tố quan trọng, nòng cốt bảo đảm cho nền kinh tế phát triển, hội nhập sâu rộng, bền vững, ổn định trong điều kiện phát triển kinh tế tri thức thời đại mới. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước cũng như

tỉnh Bắc Ninh đặc biệt quan tâm xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trong thời gian tới, để sớm hoàn thành mục tiêu đưa vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030 là vùng phát triển nhanh, bền vững,... và vào năm 2045 là vùng phát triển hiện đại văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa

* Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh, xanh, bền vững. Người dân có thu nhập cao, cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Các tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

Để thực hiện được mục tiêu theo Nghị quyết 30-NQ/TW, thì cần xác định rõ nhận thức xuyên suốt của Đảng về vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao, kết quả đạt được khi triển khai thực trong thực tế, những vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để từ đó đề ra những giải pháp sát thực với thực tế, hoàn thành mục tiêu đề ra.

1. Thực trạng thu hút lao động có trình độ khoa học kỹ thuật, tay nghề chuyên môn cao

1.1. Tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bắc Ninh năm 2022

Năm 2022, thế giới có nhiều diễn biến phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột Nga - Ukraine kéo dài; lạm phát tăng cao, xu hướng tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ, tài khóa và hậu quả của đại dịch COVID-19 dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ, mất an ninh năng lượng, lương thực đang hiện hữu... Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng

dầu, nguyên vật liệu biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; dịch bệnh, thiên tai diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

Bắc Ninh là tỉnh có nền kinh tế mở, hội nhập quốc tế sâu rộng, phụ thuộc nhiều vào các nền kinh tế trên thế giới, các tập đoàn, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời với những khó khăn trong nước sẽ có nhiều tác động tiêu cực ảnh hưởng đến quá trình phát triển.

Song được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các ban, bộ, ngành Trung ương; sự đoàn kết, thống nhất, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, nỗ lực vượt khó của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, tỉnh Bắc Ninh đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Các chính sách tháo gỡ khó khăn, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã tạo niềm tin và phát huy hiệu quả, dịch Covid-19 được kiểm soát, hoạt động sản xuất, kinh doanh, thương mại dịch vụ sôi động và phục hồi nhanh. Tăng trưởng kinh tế của tỉnh vượt kế hoạch đề ra, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2022 (giá so sánh năm 2010) ước 142.289,2 tỷ đồng, tăng 7,39% so với năm 2021 (kế hoạch từ 5-6%); trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng ước 107.134 tỷ đồng, tăng 6,49%; dịch vụ 25.732 tỷ đồng, tăng 13,67%; thuế sản phẩm từ trợ cấp sản phẩm 5.461 tỷ đồng, tăng 2,83%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 3.962,3 tỷ đồng, tăng 0,52%.

Thu nhập bình quân đầu người 65,3 triệu đồng, tăng 6,3 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế:

➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 76,5%; dịch vụ chiếm 17,2%; thuế sản phẩm chiếm 3,8%; nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 2,5% (tương ứng năm 2021: 77,3% - 16,1% - 3,9% - 2,7%).

1.2. Thực trạng thu hút nguồn nhân lực

Thu hút và phát triển nguồn nhân lực là một trong những trọng điểm của chiến lược phát triển, là hướng ưu tiên hàng đầu trong toàn bộ chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước cũng như của tỉnh Bắc Ninh khi chuyển sang giai đoạn phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa.

Thời gian qua, tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều nỗ lực trong việc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thu hẹp khoảng cách phát triển trong quá trình hội nhập quốc tế. Đặc biệt, nguồn lao động trẻ dồi dào là lợi thế lớn của Việt Nam, bởi đây là lực lượng có khả năng hấp thụ tốt nhất về khoa học, công nghệ.

Tuy nhiên, trong nền công nghiệp 4.0 với sự mở rộng ứng dụng các thành tựu của công nghệ thông tin, điều khiển, tự động hóa, kết nối vạn vật... thì Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng đang đứng trước nhiều vấn đề về chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng nguồn nhân lực chất lượng cao. Cụ thể:

Theo kết quả điều tra doanh nghiệp hàng năm của Tổng Cục Thống kê thì số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 503.687 người, trong đó doanh nghiệp nhà nước là 2.790 người chiếm 0,6%; doanh nghiệp ngoài nhà nước là 172.770 người, chiếm 34,3%; doanh nghiệp có vốn đầu tư

nước ngoài là 328.127 người, chiếm 65,1%. Trong tổng số lao động trên thì số lao động hoạt động trong ngành chế biến, chế tạo là 395.456 người, chiếm 78,5%.

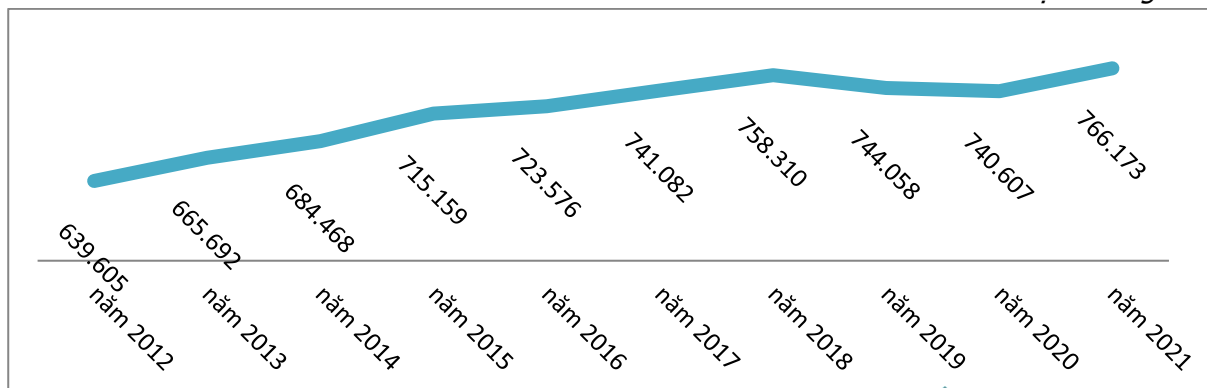
Theo kết quả điều tra dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2021 của Tổng Cục Thống kê, thì năm 2021, trong 6 vùng kinh tế - xã hội có 2 vùng có tỷ suất di cư thuần dương là Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ. Do có sức hút lớn về việc làm nên Đông Nam Bộ là vùng có số người di cư thuần dương cao nhất trong cả nước, hơn 290,1 nghìn người. Đồng bằng sông Hồng có số người di cư thuần dương, gần 81,0 nghìn người.

Cũng theo kết quả điều tra, trong số 63 tỉnh có 14 tỉnh có tỷ suất di cư thuần dương, 49 tỉnh có tỷ suất di cư thuần âm. *Bắc Ninh với tỷ suất di cư thuần là 41,7‰ đã thay Bình Dương 30,8‰ trở thành tỉnh đứng đầu cả nước về tỷ lệ di cư thuần. Bắc Ninh cũng là tỉnh có tỷ suất nhập cư cao nhất cả nước (45,7‰), xếp trên Bình Dương (35,6‰).* Có thể thấy, tỉnh Bắc Ninh là có tỷ suất di cư thuần cao và là tỉnh tập trung nhiều khu công nghiệp, các trường đào tạo. Điều này chứng tỏ việc làm, đào tạo, học tập đã thu hút rất nhiều lao động ở các tỉnh khác.

Theo kết quả điều tra lao động việc làm năm 2021 của Tổng Cục Thống kê thì qui mô lực lượng lao động (LLLĐ) của tỉnh Bắc Ninh từ 15 tuổi trở lên đạt 766.173 người, chiếm 70,01% tổng dân số từ 15 tuổi trở lên. LLLĐ bao gồm 746.344 người có việc làm và 19.829 người thất nghiệp. So với năm 2020 (LLLĐ chiếm 70,22%) giảm 0,12 điểm phần trăm về tỷ lệ nhưng qui mô của LLLĐ năm 2021 so với 2020 tăng 3,5% (tương ứng tăng 25.566 người).

Biểu đồ 1. LLLĐ tỉnh Bắc Ninh các năm giai đoạn 2012-2021

Đơn vị tính: Người



Về trình độ chuyên môn kỹ thuật của LLLĐ: Dân số 15 tuổi trở lên tham gia LLLĐ được đào tạo Chuyên môn kỹ thuật (CMKT) từ sơ cấp trở lên đạt 33,5% , tăng 4,7 điểm phần trăm so với năm 2020 và vẫn còn 66,5% người tham gia LLLĐ chưa được đào tạo CMKT (toàn quốc là 73,9%). Con số này đặt ra thách thức lớn cho những cố gắng nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực, tăng năng suất lao động và tạo động lực phát triển kinh tế bền vững của tỉnh.

Chất lượng LLLĐ đã qua đào tạo trên địa bàn tỉnh trong những năm qua có chuyển

biến tích cực. Năm 2021, LLLĐ có trình độ từ đại học trở lên 11,7%, cao đẳng 5,4%, trung cấp 4,6%, sơ cấp 11,7%. So với năm 2020 LLLĐ có trình độ đại học trở lên tăng 1,1 điểm phần trăm, cao đẳng tăng 0,1 điểm phần trăm, trung cấp giảm 0,1 điểm phần trăm và sơ cấp tăng 6,1 điểm phần trăm. So với toàn quốc thì LLLĐ đã qua đào tạo tăng 7,4% trong đó, có trình độ từ đại học trở lên tăng 0,1 điểm phần trăm, cao đẳng tăng 1,8 điểm phần trăm, trung cấp tăng 0,5 điểm phần trăm và sơ cấp tăng 4,9 điểm phần trăm.

Bảng 1. Tỷ lệ trình độ chuyên môn kỹ thuật của LLLĐ năm 2020-2021 của tỉnh Bắc Ninh và toàn quốc

Đơn vị tính: %

| | Toàn quốc năm 2021 | Bắc Ninh | | | |
|-----------------|--------------------|-------------|-------------|-----------------------|------------------|
| | | 2021 | 2020 | 2021 so với toàn quốc | 2021 so với 2020 |
| Tổng số | 26,1 | 33,5 | 28,8 | 7,4 | 4,7 |
| Sơ cấp | 6,8 | 11,7 | 5,6 | 4,9 | 6,1 |
| Trung cấp | 4,1 | 4,6 | 4,7 | 0,5 | 0,1 |
| Cao đẳng | 3,6 | 5,4 | 5,3 | 1,8 | 0,1 |
| Đại học trở lên | 11,6 | 11,7 | 10,7 | 0,1 | 1,0 |

Nguồn: Niên giám Cục Thống kê Bắc Ninh

Nếu xét theo lao động có việc làm theo nghề: với trình độ chuyên môn kỹ thuật của LLLĐ được nâng lên thì trình độ tay nghề của

lao động có việc làm cũng được cải thiện. Tuy nhiên, lao động nhóm nghề giản đơn và nhóm nghề có trình độ tay nghề thấp vẫn

➤➤➤ THỐNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế. Nhìn vào bảng 2 cho ta thấy, năm 2021 nhóm nghề vận hành và lắp ráp máy móc thiết bị thu hút nhiều nhân lực nhất trong hoạt động kinh tế của tỉnh với tỷ lệ 29,7%, tăng 2,7 điểm phần trăm so năm 2020 (năm 2020 là 27,0%), cao hơn 15,6 điểm phần trăm so cả nước (14,1%); nhóm nghề chuyên môn kỹ thuật bậc cao đạt 8,3%, cao hơn so với năm

2020 là 0,1 điểm phần trăm và cao hơn cả nước 0,3 điểm phần trăm; nhóm nghề nhân viên, dịch vụ, bán hàng, đạt 20,5%, lần lượt tăng 2,6 điểm phần trăm so năm 2020, cao hơn so với cả nước 1,5 điểm phần trăm. Các nhóm nghề khác cơ bản ổn định so năm trước, tuy vậy tỷ trọng lao động làm công việc giản đơn, thợ thủ công không còn chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động kinh tế.

Bảng 2. Tỷ trọng lao động có việc làm phân theo nghề nghiệp

Đơn vị tính: %

| Phân theo nghề nghiệp | Bắc Ninh | | | Toàn quốc |
|---|------------|------------|------------|------------|
| | 2019 | 2020 | 2021 | 2021 |
| Tổng số | 100 | 100 | 100 | 100 |
| Nhà lãnh đạo | 1,4 | 0,7 | 1,2 | 1,0 |
| Chuyên môn kỹ thuật bậc cao | 8,8 | 8,2 | 8,3 | 7,3 |
| Chuyên môn kỹ thuật bậc trung | 4,3 | 3,3 | 4,0 | 3,3 |
| Nhân viên | 3,5 | 2,9 | 2,1 | 2,3 |
| Dịch vụ cá nhân, bảo vệ bán hàng | 17,5 | 17,9 | 20,5 | 19,0 |
| Nghề trong nông, lâm, ngư nghiệp | 5,5 | 0,5 | 4,2 | 12,2 |
| Thợ thủ công và các thợ khác có liên quan | 19,0 | 19,5 | 21,1 | 14,6 |
| Thợ lắp ráp và vận hành máy móc, thiết bị | 19,7 | 27,0 | 29,7 | 14,1 |
| Nghề giản đơn | 20,3 | 20,0 | 8,5 | 25,7 |
| Khác | 0,0 | 0,0 | 0,3 | 0,5 |

Nguồn: Niên giám Cục Thống kê Bắc Ninh

2. Đề xuất các giải pháp

Đối với các địa phương trong đó có tỉnh Bắc Ninh, việc thu hút và phát triển nguồn lực lao động chất lượng cao là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn hiện nay.

Nhằm thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trước yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0, trong thời gian tới, Việt Nam nói chung và tỉnh Bắc Ninh nói riêng cần chú trọng một số nhiệm vụ sau:

2.1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách

Hệ thống cơ chế, chính sách có vai trò rất quan trọng, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp, tạo động lực thúc đẩy hoặc lực cản kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nói riêng. Trên thực tế, những năm qua Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách mới có tác động tích cực đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, các chính sách đó đã bộc lộ không ít những hạn chế, bất cập, hiệu quả mang lại chưa tương

xúng. Do đó, để tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao có hiệu quả đòi hỏi cần phải thường xuyên điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta trước tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

2.2. Về chế độ đãi ngộ đối tượng thu hút

Có chính sách phụ cấp và đãi ngộ đặc biệt (nhà ở, đào tạo...) cho cán bộ có trình độ cao, tạo điều kiện cho các tài năng nâng cao thu nhập bằng trí tuệ và năng lực của mình. Có chính sách thu hút các nhà khoa học trình độ cao tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tại các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học - công nghệ.

Tạo ra môi trường lành mạnh trong công tác tuyển dụng, thu hút nhân tài về với tổ chức với một môi trường tuyển dụng và thu hút nhân tài: Minh bạch, rõ ràng, công khai. Xây dựng hoàn thiện, đồng bộ hệ thống chính sách khuyến khích và thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực.

Có chính sách đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để có thể tìm nguồn và tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với mục tiêu là phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Chú trọng việc bố trí, sắp xếp nhân lực phù hợp với năng lực cá nhân nhằm phát huy tối đa sở trường của người lao động.

Đối với doanh nghiệp, cần xây dựng một môi trường làm việc thân thiện trong tổ chức doanh nghiệp với chế độ lương, thưởng, phúc lợi công bằng và hợp lý cũng như sự quan tâm chân thành của lãnh đạo đến người lao động qua đó giúp nâng cao sức cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh

nghiệp, thúc đẩy doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

2.3. Giải pháp về lãnh đạo, quản lý

Thường xuyên đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc về công tác quản lý phát triển nguồn nhân lực. Phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc theo dõi, dự báo, xây dựng kế hoạch thu hút phát triển nguồn nhân lực.

Mỗi cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch quy trình tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong từng giai đoạn; có kế hoạch thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; đổi mới phương thức quản lý nguồn nhân lực theo hướng hiện đại, hiệu quả.

Chú trọng đầu tư cho các cơ sở dạy nghề về cơ sở vật chất và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên; nâng cao khả năng đào tạo của các cơ sở đào tạo trong tỉnh; tăng cường liên kết phối hợp với các trường Đại học, các cơ sở đào tạo lớn tại TP. Hà Nội,... trong việc đào tạo ra lực lượng lao động đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng./.

Tài liệu tham khảo:

1. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

2. UBND tỉnh Bắc Ninh (2022), Báo cáo số 123/BC-UBND ngày 30/11/2022 của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh về tình hình kinh tế - xã hội và công tác điều hành của UBND tỉnh năm 2022; kế hoạch phát triển năm 2023.

3. Tổng Cục Thống kê (2022), Kết quả chủ yếu điều tra biến động dân số và kết hoạch hóa gia đình thời điểm 01/4/2021.

4. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2021), Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh 2021. Số liệu về LLLĐ giai đoạn 2012-2020 theo khung khái niệm ICLS13, năm 2021 theo khung khái niệm ICL19.